

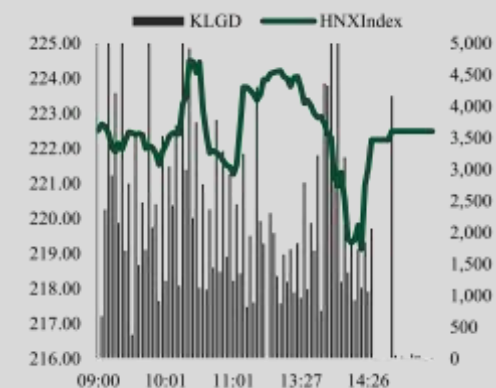
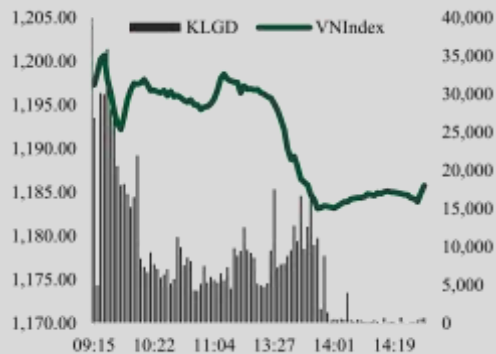
### TIÊU ĐIỂM

VN Index điều chỉnh giảm lần đầu tiên trong năm 2021 sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp với sự phân hóa của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Thanh khoản không thay đổi nhiều so với phiên liền trước cả về khối lượng và giá trị giao dịch.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,186.05	222.49
Thay đổi	-0.52%	0.23%
KLGD (cổ phiếu)	819,291,996	204,115,640
GTGD (tỷ VND)	18,193.51	3,133.49

Số cổ phiếu tăng giá	193	90
Số cổ phiếu đứng giá	37	56
Số cổ phiếu giảm giá	254	113

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,192.00	0.10
VN30F2M	1,193.40	-1.10
VN30F1Q	1,193.60	1.30
VN30F2Q	1,193.60	-0.50



### VN INDEX ĐIỀU CHỈNH GIẢM SAU 8 PHIÊN TĂNG LIÊN TIẾP

- VN Index điều chỉnh giảm lần đầu tiên trong năm 2021 sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp với sự phân hóa của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Thanh khoản không thay đổi nhiều so với phiên liền trước cả về khối lượng và giá trị giao dịch.
- VN Index mở cửa phiên tăng điểm và áp sát mốc 1,200 điểm nhờ tâm lý hứng khởi của nhà đầu tư sau chuỗi 8 phiên tăng điểm liên tiếp trước đó. Tuy nhiên, áp lực chốt lời gia tăng nhanh chóng tại ngưỡng kháng cự này đã khiến chỉ số dần quay đầu giảm điểm khi kết phiên sáng và nửa đầu phiên chiều. Trong nửa sau phiên chiều, chỉ số nhìn chung chỉ dao động trong biên độ hẹp (1,183 - 1,185 điểm) mà không tạo ra sự bứt phá đáng kể nào. Thanh khoản thị trường duy trì tương đương phiên trước với tổng giá trị giao dịch trên cả ba sàn đạt khoảng trên 20,000 tỷ đồng. VN – Index kết phiên với mức giảm 6.23 điểm (-0.52%) và đạt 1,186.05, trong khi đó HNX Index vươn lên mức 222.49 (+0.23%).
- Chỉ số VN Index điều chỉnh giảm với áp lực bán chốt lời ngắn hạn trong phiên, tuy nhiên thanh khoản không tạo được đột biến cho thấy lực cung phần nhiều là hành động chốt lời ngắn hạn của một bộ phận nhà đầu tư. Tuy nhiên điểm tích cực là tâm lý nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán nhìn chung vẫn đang khá lạc quan trên cơ sở những dự báo tích cực về nền kinh tế Việt Nam trong năm 2021.

#### Khuyến nghị

- Theo đánh giá của chúng tôi, phiên giảm điểm hôm nay phần nhiều chỉ mang tính điều chỉnh kỹ thuật và với bối cảnh như vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc chốt lời một phần danh mục - đặc biệt là nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn - nhằm mục tiêu “lướt sóng” ngắn hạn và tận dụng khả năng nhích điều chỉnh đang diễn ra có thể sẽ vẫn tiếp diễn trong một số phiên tới.
- Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q3.2020 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.*

#### Đánh giá triển vọng thị trường

Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
TRUNG TÍNH	TRUNG TÍNH	TÍCH CỰC

### Một số tin tức đáng chú ý

- HSBC: Kinh tế Việt Nam năm 2021 sẽ tươi sáng.** Báo cáo mới nhất do Khối Nghiên cứu Kinh tế Toàn cầu của HSBC vừa phát hành vẫn giữ mức dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm nay 7,6%. Áp lực lạm phát có khả năng tiếp tục ở mức vừa phải, trung bình khoảng 3,3%, thấp hơn mức trần 4% của Ngân hàng Nhà nước.
- Việt Nam là quốc gia ưu tiên hợp tác của Chính phủ Đức.** Việt Nam luôn coi trọng mối quan hệ đối tác chiến lược với Đức, luôn mong muốn thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác về kinh tế, thương mại, công nghiệp giữa hai bên.

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

### VN Index



Mặc dù giảm điểm, tuy nhiên VN Index vẫn duy trì đà tăng, thanh khoản cao hơn so với trung bình các phiên trước, cho tín hiệu hồi phục trong trung hạn. Tuy nhiên, đường giá đang ở band trên của BB20 và chỉ số RSI tiến vào vùng quá mua cho thấy khả năng sẽ có nhịp điều chỉnh trong những phiên sắp tới. Ngưỡng kháng cự tại 1,200 – 1,210, ngưỡng hỗ trợ tại 1,145 – 1,150.

### Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	DVP	51.00	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 49.50 Chốt lời: 55.60



**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**
**TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ**
**HOSE**

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
GVR	31,850	6.88	2.206	15.85MLN
VPB	35,700	2.29	0.529	5.53MLN
BVH	70,400	3.23	0.439	1.74MLN
EIB	21,500	6.44	0.432	1.94MLN
SAB	207,100	0.78	0.276	226,400

**HNX**

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	19,100	1.60	0.709	65.76MLN
NVB	11,900	4.39	0.328	6.11MLN
NTP	38,600	4.61	0.101	284,800
L14	64,000	4.92	0.086	133,600
TIG	8,400	9.09	0.080	8.23MLN

**TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ**
**HOSE**

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	111,100	-2.88	-3.002	1.24MLN
VHM	100,900	-2.42	-2.252	2.97MLN
VNM	114,500	-1.55	-1.012	2.52MLN
VCB	104,800	-0.76	-0.798	1.06MLN
HVN	31,100	-2.81	-0.343	2.17MLN

**HNX**

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
PVS	20,500	-1.91	-0.161	15.45MLN
HHC	80,000	-8.05	-0.106	1,600
IDC	43,100	-1.82	-0.081	5.39MLN
VCS	89,900	-1.21	-0.059	240,200
KLF	2,700	-6.90	-0.056	10.07MLN

**TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN**
**HOSE**

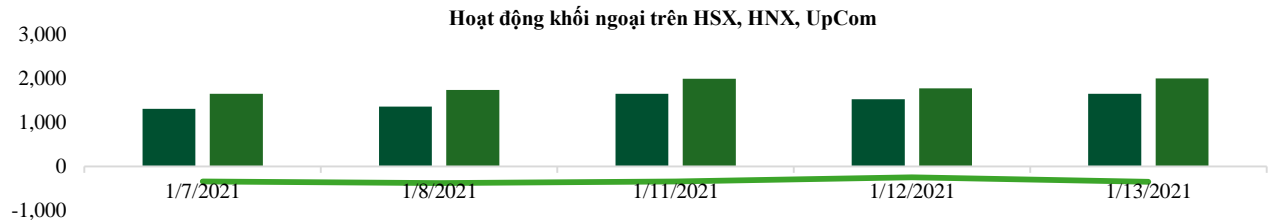
Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
HTN	1,542.35	46,650	304,600	7.00
DLG	550.73	1,840	16,990,100	6.98
ROS	1,742.53	3,070	20,175,000	6.97
FCM	303.81	7,410	325,800	6.93
SGT	664.53	8,980	144,300	6.90

**HNX**

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
BII	317.24	5,500	4,108,800	10.00
VNR	3,434.19	26,200	1,079,400	9.62
VTV	215.28	6,900	61,300	9.52
TIG	763.69	8,400	8,234,900	9.09
MBG	565.19	8,300	3,137,120	6.41

**TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ**

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q3.2019 (Tỷ VND)	LNST Q3.2020 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	DBC	59.80	5,065,300	19.38	386.81	1895.60%
2	DCM	14.25	4,556,900	8.91	102.41	1049.60%
3	NVL	75.60	4,785,000	286.55	2,120.53	640.02%
4	HSG	25.25	5,919,200	91.94	450.03	389.47%
5	VCG	46.90	820,300	252.68	1,037.75	310.69%
6	GTN	29.40	4,388,500	22.41	87.16	288.88%
7	VPI	33.70	1,394,400	22.05	68.15	209.11%
8	DPM	19.50	4,866,900	61.87	182.57	195.06%
9	SBT	22.55	3,418,000	35.58	103.84	191.85%
10	PDR	53.30	5,038,900	160.54	438.93	173.40%



## TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

### HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
NVL	75,600	210,410.06	2,600.30	207,809.76
FUEVFN30	18,580	185,032.82	13,758.11	171,274.71
E1VFN30	19,590	93,041.82	7,586.91	85,454.91
VRE	36,200	145,664.59	92,332.51	53,332.08
HDB	26,850	79,885.68	40,443.33	39,442.35

## TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

### HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
HPG	44,700	35,215.03	327,078.80	291,863.77
VND	28,950	8,545.18	97,376.66	88,831.48
SSI	33,500	4,810.41	80,527.26	75,716.85
VSC	66,500	296.27	58,678.20	58,381.93
CTG	38,650	17,830.67	73,794.66	55,963.99

### HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
SHS	26,800	13,425.22	3,421.17	10,004.05
VCS	89,900	3,488.31	1,078.80	2,409.51
IDV	59,900	836.20	-	836.20
MBG	8,300	642.61	57.71	584.90
BTS	5,800	574.72	-	574.72

### HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
SHB	19,100	610.71	36,008.76	35,398.05
PVS	20,500	9.14	30,562.70	30,553.56
BVS	22,800	-	2,663.59	2,663.59
IDJ	16,400	-	1,516.62	1,516.62
VNR	26,200	-	983.36	983.36

### UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
MCH	99,400	4,913.17	-	4,913.17
QNS	40,300	4,034.91	-	4,034.91
VEA	49,200	14,294.05	10,344.93	3,949.12
MML	54,300	1,245.09	-	1,245.09
CTR	83,900	865.49	135.97	729.52

### UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
MSR	24,300	-	14,436.26	14,436.26
BSR	12,400	358.61	7,076.00	6,717.39
VTP	116,100	2,056.38	7,048.47	4,992.09
ACV	81,900	4,253.07	6,513.32	2,260.25
VGI	42,800	305.27	965.55	660.28

## ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Trần Minh Hoàng**

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

[tmhoang@vcbs.com.vn](mailto:tmhoang@vcbs.com.vn)

**Mai Ngọc Kha**

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

[mnkha@vcbs.com.vn](mailto:mnkha@vcbs.com.vn)

**Nguyễn Hoàng Minh**

Chiến lược gia thị trường

[nhminh@vcbs.com.vn](mailto:nhminh@vcbs.com.vn)

**Hoàng Tùng Vũ**

Chuyên viên phân tích thị trường

[htvu@vcbs.com.vn](mailto:htvu@vcbs.com.vn)